TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 430/2023/DS-PT
Ngày: 11-4-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Bà Phạm Thị Kim.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 3 và 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/DSPT ngày 11/11/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thôi Hoàng N, sinh năm 1952.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Vĩnh P, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: 1C Trần Đình X, phường N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022) (có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 1 đường T, Phường 1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Số 10 đường S Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 8 đường L, Phường 1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thôi Hoàng N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/5/2005, bà Thôi Hoàng N và bà Vũ Thị L giao kết "hợp đồng hợp tác kinh doanh" nội dung hai bên cùng bỏ vốn như nhau để mua lại nhà thuộc sở hữu Nhà nước bán hóa giá đối với căn nhà tại địa chỉ 15 Hương lộ 4, Phường 2, quận T (nay là L, quận T). Giá trị sang nhượng là 100 lượng vàng SJC, do bên bà Vũ Thị L đã ứng trước.

Đến năm 2010, bà L cho biết Nhà nước không tiếp tục bán căn nhà này và bà L cam kết hoàn trả lại tiền đã nhận của bà N nhưng đến nay bà L vẫn không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Vũ Thị L trả lại 40 lượng vàng SJC tương đương số tiền 2.000.000.000 đồng (tính giá vàng SJC là 50.000.000 đồng/lượng).

Bị đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Năm 2005, bà L quen biết bà Thôi Hoàng N qua mối quan hệ giữa chồng bà là ông Nguyễn Hồng V và chồng bà N là ông Lương Vĩnh P. Bà L có nhận tiền của bà N để mua hóa giá căn nhà thuộc sở hữu nhà nước số 15 Hương lộ 4, Phường 2, quận T (nay là L, quận T) với số tiền 320 triệu đồng. Bà L xác định nhận bằng tiền chứ không phải nhận vàng và khi nhận tiền bà L đã viết là "tương đương 40 lượng vàng" (giấy nhận tiền do bà N giữ). Việc thực hiện mua nhà không thành do Nhà nước không bán nhà hóa giá nữa. Nay bà đồng ý trả lại bà N số tiền 165.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 23/6/2022. Phần 165.000.000 đồng còn lại đề nghị bà N yêu cầu chồng bà là Nguyễn Hồng V chịu tránh nhiệm trả, vì thời điểm bà nhận tiền có mặt ông P và ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng V trình bày:

Ông có biết việc nhận tiền hùn hạp làm ăn đối với căn nhà tại đường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng sau đó không làm được vì Nhà nước thu hồi. Ông có biết vợ ông P là bà N giao tiền cho bà L (lúc đó bà L là vợ ông V) số tiền khoảng 350 triệu đồng. Bà L có ký nhận và làm hợp đồng hợp tác đầu tư. Sau đó khi ông và bà L ly hôn thì không chia tài sản mà để hai bên tự giải quyết. Vì tuổi cao, sức yếu đi lại khó khăn nên ông đề nghị được xét xử vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 504, 512 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Thôi Hoàng N.

Buộc bà Vũ Thị L có trách nhiệm trả cho bà Thôi Hoàng N số tiền là 40 lượng vàng SJC tương đương 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 26/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Thôi Hoàng N số tiền 26.772.000 đồng theo Biên lai thu số: 0002752 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần kháng cáo và thủ tục thi hành án.

Ngày 05/9/2022, bị đơn Vũ Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung vụ án và kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Hợp đồng hai bên thỏa thuận mỗi bên góp 50% để hợp tác. Bà L đã ký nhận tại hợp đồng nội dung nhận của bà N số vàng là 40 lượng. Hợp đồng do cá nhân bà L ký và thực hiện. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền có giá trị tương đương 40 lượng vàng SJC, theo "Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh" ngày 24/5/2005.

Xét thấy: Tại "Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh" ngày 24/5/2005 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện nội dung hai bên thỏa thuận hợp tác cùng bỏ vốn như nhau, mỗi bên 50% để sang nhượng lại căn nhà 15 Hương lộ 4, Phường 2, quận T (nay là L, quận T) do Nhà nước thông báo bán hóa giá. Hợp

đồng ghi về giá trị "vốn sang nhượng nhà là 100 lượng vàng SJC, do bên A (bà Vũ Thị L) đã ứng". Tại cuối trang hợp đồng, hai bên ký và xác nhận nội dung bên B Thôi Hoàng N là bên giao "Bốn mươi lượng" và "Bên A Vũ Thị L đã nhận 40 lượng (SJC)".

Như vậy, hai bên khi giao kết hợp đồng đã xác định mỗi bên chịu góp vốn 50% và thỏa thuận góp vốn là bằng vàng, với số lượng là 100 lượng vàng SJC. Bị đơn đã nhìn nhận và ký nhận tại hợp đồng thể hiện *"Đã nhận 40 lượng (SJC)"*. Về việc bị đơn trình bày hai bên giao nhận bằng tiền chứ không giao nhận bằng vàng, xét thấy ngay cả trong trường hợp giao nhận bằng tiền thì đó cũng là cách thức để thực hiện thỏa thuận của hai bên là cùng góp số vàng như hợp đồng đã xác định, hai bên cũng đã mặc nhiên thoả thuận việc thực hiện giao nhận này đã quy bằng số vàng, là để thực hiện phần nghĩa vụ của bên B Thôi Hoàng N, theo hợp đồng thỏa thuận là hai bên hợp tác góp vốn bằng 100 lượng vàng SJC, chính vì vậy nên bị đơn mới ghi nhận trong hợp đồng thừa nhận việc bị đơn *"Đã nhận 40 lượng (SJC)"*.

Có căn cứ để xác định thời điểm góp vốn bị đơn đã nhận của nguyên đơn bằng giá trị 40 lượng vàng SJC trong tổng số 100 lượng mà hai bên cam kết cùng góp. Nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm quy giá trị 01 lượng vàng bằng 50.000.000 đồng, đây là mức giá thấp hơn giá thị trường ở cùng thời điểm (Giá công bố vàng SJC mua vào 66,3 triệu đồng/1lượng và bán ra 67,1 triệu đồng/1lượng), việc này có lợi cho bị đơn nên đã được sơ thẩm chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày do hai bên xác lập hợp đồng hợp tác nên phải theo nguyên tắc "lời ăn, lỗ chịu", tức quyền lợi và nghĩa vụ phải như nhau. Xét trình bày này của bị đơn là đúng, nhưng từ giai đoạn giải quyết sơ thẩm vụ án và cả đến phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh có việc thua lỗ trong thực hiện hợp đồng. Hơn nữa, bị đơn nhận phần vốn góp của nguyên đơn để đầu tư mua nhà nhưng do Nhà nước không bán hóa giá nữa nên ngưng thực hiện thì cũng không chứng minh được khoản chi phí phải bỏ ra để xác định là có thua lỗ. Sơ thẩm buộc bị đơn phải trả lại phần góp đã nhận của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về ý kiến của bị đơn đề nghị nguyên đơn đòi ông Nguyễn Hồng V chịu trách nhiệm trả 50%. Xét giao dịch tại "Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh" ngày 24/5/2005 do cá nhân bị đơn xác lập và thực hiện, do đó đây là nghĩa vụ riêng của bị đơn với nguyên đơn. Việc tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng giữa bị đơn với ông Nguyễn Hồng V còn là vợ chồng thì nay do hai người giải quyết về quyền, nghĩa vụ trong phạm vi liên quan nếu có, như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[5] Xét nội dung Đơn kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm: Đơn kháng cáo không nêu ra được căn cứ nào chứng minh sơ thẩm có vi phạm thuộc trường hợp để hủy bản án sơ thẩm như theo quy định tại Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo,

vì vậy không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[6] Bản án sơ thẩm quyết định nghĩa vụ về lãi giai đoạn thi hành án "Kể từ ngày 26/8/2022, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015" là không đúng, bởi lẽ nội dung giao dịch có tranh chấp tại vụ án này không phải là hợp đồng vay, không có thỏa thuận về việc trả lãi, do đó phải áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao mới chính xác và đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của đương sự.

[7] Từ nhận định trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 504, 512 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Vũ Thị L phải trả cho bà Thôi Hoàng N số tiền (tương đương 40 lượng vàng SJC) là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Vũ Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng.

Trả lại tạm ứng án phí cho bà Thôi Hoàng N số tiền 26.772.000 đồng (Biên lai thu số: AC/2014/0002752 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3).

Án phí phúc thẩm: Đương sự không phải chịu. Trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí cho bà Vũ Thị L(Biên lai thu số: AA/2021/0007545 ngày 07/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng